

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 45/2025/KDTM-PT

Ngày: 04/3/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán: **Bà Dương Tuyết Mai**

Bà Lê Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Mai Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 04/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 280/KDTM-TLPT ngày 06/12/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2024/KDTM-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện ML, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX-PT ngày 06/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐ-HPT ngày 21/01/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (gọi tắt là Công ty VAMC)

Trụ sở: Số 300 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Thắng – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (Theo *Hợp đồng ủy quyền* số 222/2023/UQ.VAMC-ABBBank ngày 21/7/2023)

Địa chỉ: Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh Kháng – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Huy Thành – Trưởng ban Xử lý nợ Ngân hàng ABBank (Theo Giấy ủy quyền số 24/UQ-TGD.24 ngày 01/10/2024)

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Quyết Thắng và bà Nguyễn Thu Huệ – Chuyên viên xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 1213/UQ-TGD.24 ngày 31/12/2024) – Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất S (nay đổi tên thành: Công ty cổ phần sản xuất S)

Trụ sở: Tổ 8, thị trấn QM, huyện ML, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc S1 - Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chính N và ông Nguyễn Tuấn A. (Theo Giấy ủy quyền ngày 15/7/2024) – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/4/2021, Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội – phòng giao dịch Đội Cấn (sau đây gọi tắt là Ngân hàng ABBank) và Công ty TNHH sản xuất S (nay là Công ty Cổ Phần sản xuất S, sau đây gọi tắt là Công ty S) có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức 2284/21/TD-TT/II.15 với nội dung là: Hạn mức cho vay: **5.000.000.000 đồng**; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán nhân công; Thời hạn vay: 12 tháng; thời gian cam kết rút vốn: bên vay cam kết rút vốn lần đầu trong vòng 33 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; thời hạn vay của mỗi món vay: được ghi trên giấy nhận nợ, không quá 06 tháng đối với mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và không quá 03 tháng đối với mục đích thanh toán nhân công tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng ABBank giải ngân; phương thức giải ngân: được quy định trong từng giấy nhận nợ; Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong giấy nhận nợ; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả đối với khoản lãi vay không trả đúng hạn được tính bằng 10%/năm.

Thực hiện hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên, Ngân hàng ABBank đã giải ngân cho Công ty S 04 lần theo các giấy nhận nợ:

+ Ngày 28/3/2022, Ngân hàng ABBank giải ngân cho Công ty S 1.180.000.000 đồng với mức lãi suất trong hạn là 8,5%/năm.

+ Ngày 30/3/2022, Ngân hàng ABBank giải ngân cho Công ty S 1.500.000.000 đồng với mức lãi suất trong hạn là 8,5%/năm.

+ Ngày 01/4/2022, Ngân hàng ABBank giải ngân cho Công ty S 1.470.000.000 đồng với mức lãi suất trong hạn là 8,5%/năm.

+ Ngày 04/4/2022, Ngân hàng ABBank giải ngân cho Công ty S 850.000.000 đồng với mức lãi suất trong hạn là 8,5%/năm.

Tổng cộng 04 lần Ngân hàng ABBank đã giải ngân cho Công ty S **5.000.000.000 đồng**. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty S đã trả được một phần nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng ABBank.

Để đảm bảo cho khoản vay trên Ngân hàng ABBank và Công ty S đã ký kết Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số: 2171/21/TC-TT/II.15 đã được đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 27/4/2021 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng chứng nhận đối với khối tài sản là: ***Hệ thống dây chuyền sản xuất bím quần trẻ em loại H Model JWC-LLK600-SV bao gồm: Máy chính (01 bộ); Màn hình cài đặt màu 10.4 inch (1 chiếc); Màn hình hiển thị tốc độ 70 inch (1 chiếc); Tủ điều khiển (1 chiếc); Máy xếp chồng (1 chiếc); băng tải (1 chiếc)*** theo Hợp đồng mua bán máy móc thiết bị số 910/2019/ADONG-SUNFLOWER ngày 18/10/2019 giữa Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư xây dựng АД và Công ty TNHH sản xuất S và Biên bản nghiệm thu máy móc thiết bị ngày 18/10/2019.

Ngày 21/7/2023, Ngân hàng ABBank đã bán khoản nợ trên cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (*Gọi tắt là VAMC*). Trụ sở: Số 300 phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua, bán nợ số: 221/2023/MBN.VAMC-ABBank. Do đó, tính đến ngày 26/9/2024, Công ty S còn nợ Ngân hàng ABBank tổng cộng là **5.760.819.686 đồng**. Trong đó, số tiền nợ gốc là 4.558.833.389 đồng, nợ lãi trong hạn là 37.770.275 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.164.216.022 đồng.

Từ những nội dung đã trình bày trên, nay VAMC khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

+ Buộc Công ty S có nghĩa vụ thanh toán cho VAMC tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 26/9/2024 là: 5.760.819.686 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là

4.558.833.389 đồng, nợ lãi trong hạn là 37.770.275 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.164.216.022 đồng.

Công ty S còn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng ABBank kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho VAMC.

+ Trong trường hợp Công ty S không trả được nợ, VAMC có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số 2171/21/TC-TT/II.15 ngày 27/04/2021 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Công ty VAMC theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ, Công ty S vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho VAMC.

2. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty TNHH sản xuất S là ông Nguyễn Chính N, ông Nguyễn Tuấn A trình bày:

Công ty S xác nhận về số tiền còn nợ Công ty VAMC theo Hợp đồng hạn mức đã ký kết giữa Công ty S và Ngân hàng ABBank và để đảm bảo cho khoản vay này Công ty S nhất trí về việc có thể chấp khôi tài sản bảo đảm là thiết bị máy móc như Công ty VAMC trình bày.

Kể từ thời điểm dịch Covid 19 và sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty S ngày càng khó khăn nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Công ty S đề nghị Công ty VAMC cho Công ty S trả nợ trong vòng 03 năm và đến tháng 5/2027 sẽ tắt toán nợ. Ngoài ra, Công ty S đề nghị tạo điều kiện cho được cơ cấu lại khoản nợ nêu trên để Công ty S có thể tiếp tục sản xuất kinh doanh.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2024/KDTM-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện ML quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VAMC về việc tranh chấp Hợp đồng cho vay hạn mức 2284/21/TD-TT/II.15 ngày 27/04/2021 đối với Công ty S.

2. Buộc Công ty S phải trả cho VAMC số tiền tính đến ngày 26/9/2024, tổng cộng là **5.760.819.686 đồng**. Trong đó, số tiền nợ gốc là **4.558.833.389 đồng**, nợ lãi trong hạn là **37.770.275 đồng**, nợ lãi quá hạn là **1.164.216.022 đồng**.

Kể từ ngày 27/9/2024, Công ty S còn phải tiếp tục trả cho VAMC khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 2284/21/TD-TT/II.15 ngày 27/04/2021 và các giấy nhận nợ ngày 28/3/2022, 30/3/2022, 01/4/2022, 04/4/2022 đã ký kết.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty S không trả đủ các khoản nợ nêu trên thì VAMC có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là: ***Hệ thống dây chuyền sản xuất bím quần trẻ em loại H Model JWC-LLK600-SV bao gồm: Máy chính (01 bộ); Màn hình cài đặt màu 10.4 inch (1 chiếc); Màn hình hiển thị tốc độ 70 inch (1 chiếc); Tủ điều khiển (1 chiếc); Máy xếp chồng (1 chiếc); băng tải (1 chiếc)*** theo Hợp đồng mua bán máy móc thiết bị số 910/2019/ADONG-SUNFLOWER ngày 18/10/2019 giữa Công ty CP tập đoàn đầu tư xây dựng АД và Công ty S và Biên bản nghiệm thu máy móc thiết bị ngày 18/10/2019 theo Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) đã ký kết giữa Ngân hàng ABBank và Công ty S số: 2171/21/TC-TT/II.15 đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Công ty S phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho VAMC.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi xét xử sơ thẩm:

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn là Công ty S có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, với lý do: Toà án cấp sơ thẩm đã đưa thiếu người tham gia tố tụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Kèm đơn kháng cáo, người kháng cáo có nộp một số tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung kháng cáo.

4. Tại cấp phúc thẩm:

4.1 Đại diện theo quyền của Công ty S trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa thiếu người tham gia tố tụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng. Cụ thể là;

- Trường Trung cấp kỹ thuật Công nghiệp – Chủ hợp pháp sử dụng đất tại thửa đất nơi Công ty S đang đặt dây truyền sản xuất là tài sản thế chấp.
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng AĐ là chủ sở hữu cung cấp dịch vụ vận hành và là đơn vị hợp pháp nhà xưởng nơi Công ty S đang đặt dây truyền sản xuất tài sản thế chấp.

Đồng thời, Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) số: 2171/21/TC-TT/II.15 có tài sản bảo đảm là “Hệ thống dây chuyền sản xuất bím quần trẻ em loại H Model JWC-LLK600-SV” chung chung, không cụ thể là thế chấp các tài sản, bộ phận nào của hệ thống dây chuyền. Hiện nay không còn hoạt động do đã do Công ty đã ngừng sản xuất. Ngân hàng không thống kê chi tiết các bộ phận nào của Hệ thống dây chuyền là tài sản thế chấp nên không có cơ sở để Công ty thi hành án.

Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

4.2 Đại diện theo quyền của Ngân hàng ABBank trình bày:

Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nên phải có nghĩa vụ trả nợ theo thanh toán theo các hợp đồng tín dụng và thế chấp đã ký kết.

- Về số tiền nợ gốc và lãi phải thanh toán: Do tạo điều kiện để khách hàng có thiện chí và tạo động lực cho khách hàng trả nợ, Ngân hàng ABBank đã không thực hiện điều chỉnh lãi suất cho vay theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký mà áp dụng nguyên mức lãi suất là 8,5%/năm (mặc dù lãi suất điều chỉnh cao hơn dẫn đến số tiền lãi phải trả nhiều hơn). Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với số tiền lãi phát sinh từ thời điểm tuyên bản án sơ thẩm: Đề nghị Công ty S phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi tất toán khoản vay.

- Về tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Tài sản bảo đảm là “*Hệ thống dây chuyền sản xuất bím quần trẻ em loại H Model JWC-LLK600-SV*” bao gồm: Máy chính (01 bộ); Màn hình cài đặt màu 10.4 inch (1 chiếc); Màn hình hiển thị tốc độ 70 inch (1 chiếc); Tủ điều khiển (1 chiếc); Máy xếp chồng (1 chiếc); băng tải (1 chiếc) theo Hợp đồng mua bán máy móc thiết bị số 910/2019/ADONG-SUNFLOWER ngày 18/10/2019 giữa Công ty CP tập đoàn đầu tư xây dựng AĐ và Công ty S và Biên bản nghiệm thu máy móc thiết bị ngày 18/10/2019. Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, tài sản bảo đảm là toàn bộ Hệ thống dây chuyền sản xuất đã được thông kê và mô tả cụ thể tại Hợp đồng mua bán máy móc và Biên bản nghiệm thu máy móc thiết bị. Công ty S cho rằng tài sản bảo đảm chung chung, không được thông kê cụ thể là không đúng. Trường hợp là Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại tài sản bảo đảm là Hệ thống dây chuyền sản xuất theo Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) đã được ký kết.

Tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị - là động sản, riêng biệt không liên quan đến nhà kho, nhà xưởng của Công ty S và không phải là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Hợp đồng dịch vụ vận hành hệ thống dây chuyền không liên quan đến hợp đồng thế chấp. Do đó, Đơn vị cho thuê nhà xưởng và đơn vị vận hành hệ thống dây chuyền không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản thế chấp nên không phải đưa họ vào tham gia tố tụng.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy việc các bên ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng, các hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng thế chấp đều trên cơ sở tự nguyện. Do Công ty S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên VAMC khởi kiện yêu cầu Công ty S thực hiện nghĩa vụ trả nợ và xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ.

Về số tiền lãi phải thanh toán: Theo Điều 3 của Hợp đồng tín dụng và tại các Giấy nhận nợ thì lãi suất áp dụng là lãi suất có điều chỉnh nhưng Ngân hàng giữ nguyên lãi suất là 8,5%/năm là không đúng với thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, nếu áp dụng lãi suất điều chỉnh thì số tiền lãi phải thanh toán nhiều hơn. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, việc Ngân hàng ABBank nguyên số tiền lãi như đã yêu cầu tại Tòa án cấp sơ thẩm là tự nguyện, không trái với các quy định của pháp luật và có lợi cho Công ty S nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị - là động sản và không phải là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Đơn vị cho thuê nhà xưởng và đơn vị vận hành hệ thống dây truyền không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản thế chấp nên không cần thiết phải đưa họ vào tham gia tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty S; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo của Công ty S không được chấp nhận nên Công ty S phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

- Về thủ tục tố tụng:

Ngày 15/10/2024, Tòa án nhân dân huyện ML nhận được đơn kháng cáo đề ngày 15/10/2024 của Công ty S đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2024/KDTM-ST ngày 26/9/2024. Đơn kháng cáo do người đại diện theo pháp luật của Công ty S ký.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty S vắng mặt. Ngày 15/10/2024, Công ty S nhận được bản án sơ thẩm và làm đơn kháng cáo. Do đó, có cơ sở xác định đơn kháng cáo của Công ty S làm trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Việc kháng cáo là hợp lệ và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về người tham gia tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt theo Giấy triệu tập. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

2.1. Về tính pháp lý của các Hợp đồng tín dụng và số tiền nợ gốc, tiền lãi phải thanh toán:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Ngày 27/4/2021, Ngân hàng ABBank – Chi nhánh Hà Nội và Công ty S có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức 2284/21/TD-TT/II.15 với hạn mức cho vay là 5.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán nhân công.

Thực hiện hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên, Ngân hàng ABBank đã giải ngân cho Công ty S 04 lần theo các giấy nhận nợ với tổng số tiền là 5.000.000.000 đồng, với mức lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,5%/năm.

Xét thấy: Các Hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với các quy định khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015. Hiện nay các bên đều thừa nhận, không có thắc mắc gì về các nội dung, điều khoản của Hợp đồng tín dụng và không kháng cáo về tính pháp lý của hợp đồng nên phát sinh hiệu lực và có giá trị thi hành đối với các bên.

2.2. Về số tiền nợ gốc, tiền lãi phải thanh toán:

Sau khi các bên ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng ABBank đã thực hiện việc giải ngân đầy đủ cho Công ty S. Công ty S xác nhận đã nhận đủ số tiền vay, số tiền nợ gốc chưa thanh toán và việc vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng ABBank khởi kiện yêu cầu buộc Công ty S phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015, các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2017 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng.

Theo bảng kê tính lãi do Ngân hàng ABBank cung cấp thì tạm tính đến ngày 26/9/2024, số tiền lãi Công ty S phải thanh toán cho VAMC là

1.201.986.297 đồng, trong đó: lãi trong hạn là **37.770.275 đồng**, lãi quá hạn là **1.164.216.022 đồng**.

Xét thấy:

Tại Điều 3 của Hợp đồng cho vay hạn mức số 2284/21/TD-TT/II.15 ngày 27/4/2021 và tại các Giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận: “*lãi suất cho vay: 8,5%/năm. Thời điểm thay đổi lãi suất: tần suất thay đổi lãi suất: 3 tháng/lần. ... Nguyên tắc và các yếu tố để xác định lãi suất điều chỉnh: $LSCV = \text{Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng VND tính lãi cuối kỳ của ABBANK dành cho KHDN vừa và nhỏ tại thời điểm điều chỉnh} + \text{Biên độ } 3.0\%/năm$ ”.*

Theo bảng kê tính lãi thể hiện Ngân hàng không điều chỉnh lãi suất, giữ nguyên lãi suất là 8,5%/năm từ khi giải ngân để làm căn cứ tính lãi trong hạn và lãi quá hạn. Việc Ngân hàng giữ nguyên lãi suất là 8,5%/năm là không đúng với thỏa thuận của các bên tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng và tại các Giấy nhận nợ.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, Ngân hàng ABBank đã cung cấp các thông báo, quyết định điều chỉnh lãi suất và có bảng kê tính lãi điều chỉnh theo đúng với thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, theo bảng kê tính lãi trên thì tổng số tiền lãi Công ty S phải thanh toán cho VAMC là **1.413.439.790 đồng**, trong đó, lãi trong hạn là **36.068.934 đồng**, lãi quá hạn là **1.377.370.856 đồng**), số tiền lãi này nhiều hơn so với bảng kê tính lãi với lãi suất không điều chỉnh 8,5%/năm. Ngân hàng ABBank đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên số tiền lãi như đã yêu cầu tại Tòa án cấp sơ thẩm để tạo điều kiện cho Công ty S trả nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc Ngân hàng ABBank giữ nguyên số tiền lãi như đã yêu cầu tại Tòa án cấp sơ thẩm là tự nguyện, không trái với các quy định của pháp luật và có lợi cho Công ty S. Công ty S cũng không có kháng cáo về số tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với số tiền lãi Công ty S phải thanh toán cho Ngân hàng là: lãi trong hạn **37.770.275 đồng**, lãi quá hạn là **1.164.216.022 đồng**. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

2.2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, tại Điều 9 của Hợp đồng cho vay hạn mức số 2284/21/TD-TT/II.15 ngày 27/4/2021 các bên có thỏa thuận biện pháp bảo đảm cho các khoản vay của Công ty S tại Ngân hàng ABBank có 02 tài sản đảm bảo, gồm:

Thứ nhất: **Hệ thống dây chuyền sản xuất bím quần trẻ em loại H Model JWC-LLK600-SV bao gồm: Máy chính (01 bộ); Màn hình cài đặt màu 10.4 inch (1 chiếc); Màn hình hiển thị tốc độ 70 inch (1 chiếc); Tủ điều khiển (1 chiếc); Máy xếp chồng (1 chiếc); băng tải (1 chiếc)** theo Hợp đồng mua bán máy móc thiết bị số 910/2019/ADONG-SUNFLOWER ngày 18/10/2019 giữa Công ty CP tập đoàn đầu tư xây dựng АД và Công ty S và Biên bản nghiệm thu máy móc thiết bị ngày 18/10/2019. Theo Hợp đồng thế chấp số 2171/21/TC-TT/II.15 ngày 27/4/2021.

Thứ hai: Ô tô con Nhãn hiệu MAZDA, biển số 30F-382.10 theo Hợp đồng thế chấp số 2172/21/TC-TT/II.15 ngày 27/4/2021.

Xét thấy:

Các bên ký kết Hợp đồng thế chấp (máy móc, thiết bị) nêu trên hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc; Hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với các Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Hợp đồng được công chứng và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo và các quy định của pháp luật liên quan nên phát sinh hiệu lực và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Ngày 28/12/2023, Ngân hàng và Công ty S đã giải chấp tài sản bảo đảm là Ô tô con Nhãn hiệu MAZDA, biển số 30F-382.10. Số tiền là 440.000.000 đồng đã thanh toán vào số tiền nợ gốc. Tài sản bảo đảm còn lại là Hệ thống dây chuyền sản xuất bím quần trẻ em loại H Model JWC-LLK600-SV bảo đảm cho số tiền nợ gốc là **4.558.833.389 đồng** và tiền lãi phát sinh. Giá trị được bảo đảm này phù hợp với thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp số 2171/21/TC-TT/II.15 ngày 27/4/2021. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VAMC về việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty S là có căn cứ.

Đối với tài sản bảo đảm là Hệ thống dây chuyền sản xuất bím quần trẻ em loại H Model JWC-LLK600-SV theo Hợp đồng thế chấp số 2171/21/TC-TT/II.15 ngày 27/4/2021, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tài sản bảo đảm là toàn bộ “*Hệ thống dây chuyền sản xuất bím quần trẻ em loại H Model JWC-LLK600-SV*” đã được thống kê và mô tả cụ thể tại Hợp đồng mua bán máy móc và Biên bản nghiệm thu máy móc thiết bị, bao gồm: **Máy chính (01 bộ); Màn hình cài đặt màu 10.4 inch (1 chiếc); Màn hình hiển thị tốc độ 70 inch (1 chiếc); Tủ điều khiển (1**

chiếc); Máy xếp chồng (1 chiếc); băng tải (1 chiếc). Công ty S đã tự nguyện đem tài sản nói trên thế chấp cho Ngân hàng ABBank để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S đối với các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn các khoản phí và chi phí khác phát sinh nếu có và đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngày 13/8/2024, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối tài sản thế chấp thể hiện: Toàn bộ hệ thống máy móc vẫn đang hoạt động và giữ nguyên hiện trạng. Do đó, Công ty S cho rằng tài sản bảo đảm chung chung, không được thống kê cụ thể là có tình nại ra trách nhiệm, nghĩa vụ bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Tài sản bảo đảm là máy móc thiết bị - là động sản, riêng biệt không liên quan đến nhà kho, nhà xưởng của Công ty S và không phải là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Hợp đồng dịch vụ vận hành hệ thống dây chuyền là hợp đồng độc lập, không liên quan đến hợp đồng thế chấp. Do đó, đơn vị cho thuê nhà xưởng và đơn vị vận hành hệ thống dây chuyền không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản thế chấp nên không cần thiết phải đưa họ vào tham gia tố tụng. Trường hợp là Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại tài sản bảo đảm là Hệ thống dây chuyền sản xuất thuộc quyền sở hữu của Công ty S. Do đó, kháng cáo của Công ty S cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng là không có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của Công ty S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của Công ty S là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 317, 318, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Căn cứ Điều 90; 91; 94; 95; 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010.
- Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/02/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT ngày 16/6/2005 của liên bộ Bộ Tư pháp – Bộ Tài nguyên và môi trường
- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ phần sản xuất S.
Xử:

1. Giữ nguyên quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2024/KDTM-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện ML.

2. Về án phí phúc thẩm:

Công ty cổ phần sản xuất S phải chịu **2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)** tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, đã nộp theo biên lai số 0053915 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND H. ML;
- Chi cục THADS H. ML;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN

Bùi Đức Bằng